TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BA ĐỒN** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/TCDS-ST
Ngày 23 - 4 - 2020
V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tưởng Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Hòa

2. Bà Trần Thị Ngọc Lan

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phạm Thị Như Bình - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Giang - Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2019/TLST-TCDS ngày 06/8/2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2020/QĐXXST-TCDS ngày 04/02/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đoàn Thị L, sinh năm 1962

Nơi cư trú: thôn V, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Đoàn Thị T, sinh năm 1976

Nơi cư trú: thôn V, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung của Đơn khởi kiện đề ngày 30/7/2019, Bản tự khai, Biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn, bà Đoàn Thị L trình bày:

Do có quan hệ họ hàng nên từ tháng 01/2017 đến tháng 01/2019, bà Đoàn Thị L đã cho chị Đoàn Thị T vay tổng số tiền là 565.000.000 đồng. Mỗi lần vay tiền đều viết Giấy vay tiền, cụ thể từng lần vay như sau: ngày 02/5/2018 (Âm lịch), bà Lương cho chị T vay 50.000.000 đồng; ngày 04/5/2018 (Âm lịch), bà L cho chị T vay thêm 50.000.000 đồng; ngày 07/12/2018 (Âm lịch), bà L tiếp tục cho chị T vay 200.000.000 đồng; ngày 25/12/2018 (Âm lịch), bà L cho chị T vay

100.000.000 đồng và ngày 19/01/2019 (Âm lịch), bà L cho chị T vay thêm 165.000.000 đồng. Quá trình vay nợ, chị T đã không có thiện chí để trả nợ cho bà L, mặc dù đã nhiều lần bà L yêu cầu chị T phải trả nợ nhưng chị T vẫn không trả nợ. Vì vậy, bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc chị T phải trả đủ 01 lần cho bà L số tiền là 565.000.000 đồng. Ngoài ra, bà L không yêu cầu tính lãi.

Về phía bị đơn, tại bản tự khai và quá trình hòa giải, chị Đoàn Thị T trình bày: Chị thừa nhận có việc chị đã vay của bà L số tiền 565.000.000 đồng như bà L đã trình bày cụ thể như trên. Ngoài ra, trong khoảng thời gian từ tháng 6 năm 2017 (Âm lịch) đến tháng 02 năm 2018 (Âm lịch) chị còn vay của bà L tổng số tiền là 380.000.000 đồng với lãi suất mỗi lần vay thỏa thuận khác nhau nhưng chị đã trả hết cho bà L hai khoản tiền trên. Tuy nhiên, do tin tưởng vào mối quan hệ họ hàng giữa chị và bà L nên khi trả tiền nợ cho bà L, chị đã không lấy giấy tờ trả nợ về. Chị khẳng định chị không còn nợ tiền của bà L nữa. Nay bà L khởi kiện yêu cầu chị phải trả cho bà L số tiền 565.000.000 đồng mà chị đã vay thì chị không chấp nhận.

Quá trình hòa giải, hai bên không thống nhất được với nhau về nội dung vụ án.

Tại phiên tòa, chị Thì vắng mặt nhưng bà L vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu của mình và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về mặt tố tụng, quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, không có vấn đề gì vi phạm; nguyên đơn tuân thủ nghiêm chỉnh sự triệu tập của Tòa án, thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

Về nội dung, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, xét xử vắng mặt chị Đoàn Thị T; căn cứ vào các Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Đoàn Thị L, buộc chị Đoàn Thị T phải trả cho bà L số tiền nợ là 565.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Về xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án:

Giữa bà Đoàn Thị L và chị Đoàn Thị T có thỏa thuận cho vay tài sản và có Giấy vay tiền bằng văn bản viết tay, sau đó thì phát sinh tranh chấp. Như vậy, Hội đồng xét xử xác định tranh chấp liên quan đến số tiền vay mà bà L khởi kiện chị T là quan hệ "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 463 Bộ luật Dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Đoàn Thị T có địa chỉ cư trú tại thôn V, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

- Về sự vắng mặt của bị đơn:

Tại phiên toà vắng mặt bị đơn chị Đoàn Thị T, song xét thấy bị đơn đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, cần căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt chị Đoàn Thị T

[2] Về nội dung của vụ án:

Quá trình giải quyết vụ án, bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc chị T có nghĩa vụ trả hết toàn bộ số nợ 565.000.000 đồng cho bà L. Căn cứ theo đơn khởi kiện, yêu cầu của nguyên đơn tại phiên tòa và qua đối chiếu, xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà L khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản, chứng cứ cho yêu cầu khởi kiện này là các Giấy vay tiền được lập thành văn bản và có chữ ký xác nhận số tiền vay từng lần của chị T. Các Giấy vay tiền mà bà L đã nộp trong hồ sơ vụ án thể hiện chính xác chị T đã vay của bà L tổng số tiền là 565.000.000 đồng nên các Giấy vay tiền mà bà L đã nộp là các văn bản có giá trị pháp lý. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổ chức hòa giải giữa các bên, chị T thừa nhận ngoài việc đã vay của bà L 565.000.000 đồng như bà L khởi kiện thì còn vay thêm của bà L 380.000.000 đồng, tuy nhiên chị đã trả đủ cho bà L toàn bộ hai khoản tiền này và hiện không còn nợ tiền của bà L nữa.

Xét nội dung vụ án, tuy chị T có khai thêm đã vay của bà L 380.000.000 đồng nhưng bà L lại không có yêu cầu đối với số tiền này mà chỉ yêu cầu buộc chị T phải trả số tiền 565.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử chỉ xem xét đối với số tiền nợ 565.000.000 đồng mà bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, chị T cho rằng đã trả hết tiền cho bà L. Tuy nhiên, chị T không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh việc chị đã trả nợ số tiền 565.000.000 đồng cho bà L. Vì vậy, xác định chị T hiện còn nợ bà L số tiền 565.000.000 đồng, yêu cầu khởi kiện của bà L là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và buộc chị T phải có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nói trên cho bà L theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự.

Tại Biên bản lấy lời khai bổ sung của bà L, bà L trình bày: Để chị T có ý thức và có trách nhiệm trong việc trả nợ cho mình, quá trình vay tiền chị T có đưa cho bà

L giữ một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 255172, số vào sổ cấp GCN: CH 03732 do UBND huyện Quảng Trạch (Nay là thị xã B), tỉnh Quảng Bình cấp ngày 10/5/2013 mang tên ông Đoàn Thanh B và bà Đoàn Thị T là tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của vợ chồng chị Đoàn Thị T. Bà L khai, bà chỉ giữ để làm tin chứ không giữ dưới hình thức thế chấp tài sản để cho chị T vay tiền. Do đó, việc bà L giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của chị T là không phù hợp với quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm tài sản là quyền sử dụng đất. Vì vậy, cần buộc bà L phải trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất nói trên cho chị Đoàn Thị T là phù hợp và đúng theo quy định của pháp luật.

[3] Về lãi suất:

Trong quá trình hòa giải cũng như tại phiên tòa, bà L không yêu cầu chị T phải thanh toán khoản tiền lãi phát sinh kể từ khi chị T vi phạm nghĩa vụ trả tiền. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét đối với vấn đề này.

[4] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị L được chấp nhận nên chị Đoàn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà Đoàn Thị L theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt chị Đoàn Thị T.

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự; Điều 147, Điều 271, Điều 273; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: buộc chị Đoàn Thị T phải trả cho bà Đoàn Thị L số tiền 565.000.000 đồng *(Năm trăm sáu mươi lăm triệu đồng)*.

Buộc bà Đoàn Thị L phải trả lại cho chị Đoàn Thị T Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 255172, số vào sổ cấp GCN: CH 03732 do UBND huyện Q (Nay là thị xã B), tỉnh Quảng Bình cấp ngày 10/5/2013 mang tên ông Đoàn Thanh B và bà Đoàn Thị T.

2. Về án phí:

- Chị Đoàn Thị T phải nộp 26.600.000 đồng *(Hai mươi sáu triệu sáu trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

- Trả lại cho bà Đoàn Thị L số tiền tạm ứng án phí 13.300.000 đồng *(Mười ba triệu ba trăm nghìn đồng)* mà bà L đã nộp trước đây tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002436, ngày 05/8/2019.

"Kể từ ngày tếp theo ngày tuyên án sơ thẩm hoặc từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chưa thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự để trả cho người được thi hành.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự."

Án xử sơ thẩm, các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (đối với người có mặt) và trong 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản án (đối với người vắng mặt).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS thị xã B;
- VKSND thị xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Tưởng Thị Hà